

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CHÍ LINH  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/ HNGĐ- ST  
Ngày: 24-03-2021  
“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

***- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Chu Thị Thu Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Thành

2. Bà Hoàng Thị Thu Thảo

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà:*** Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 296/2020/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2020 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị H, sinh năm 1988

Nơi ĐKKHKT: Khu dân cư N, phường T, thành phố C, tỉnh H;

Nơi ở hiện nay: Thôn 5, thị trấn L, huyện C, tỉnh H. Vắng mặt có lý do.

Bị đơn: Anh Phạm Văn K, sinh năm 1973

Địa chỉ: Khu dân cư N, phường T, thành phố C, tỉnh H. Vắng mặt có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, nguyên đơn chị Vũ Thị H và anh Phạm Văn K trình bày:

Chị H và anh K kết hôn ngày 22 tháng 01 năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T(nay là UBND phường T), thành phố C, tỉnh H. Anh chị có thời

gian tìm hiểu, yêu thương và tự nguyện đến với nhau. Anh chị không được hai gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Nguyên nhân là do gia đình anh K phản đối chị H, không đồng ý cho chị H về chung sống cùng anh K. Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống tại gia đình nhà anh K. Vợ chồng chung sống được thời gian, đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị H trình bày lý do mâu thuẫn vợ chồng là do anh K thường xuyên chơi bời, nghiện ma túy. Chị có khuyên can nhưng anh không nghe, anh K còn đánh và đuổi chị ra khỏi nhà. Kể từ năm 2019 đến nay, chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở thị trấn L, huyện C, tỉnh H sinh sống, anh K không tìm đón chị về. Anh chị sống ly thân từ đó. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh K. Theo anh K trình bày mâu thuẫn vợ chồng là anh chị không có con chung nên không có sự gắn bó. Cách đây hai năm, chị H đã bỏ về nhà ngoại sinh sống. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn chị H. Tuy vậy, do anh có công việc bận nên anh không đến Tòa án để làm việc mà tùy chị H tự giải quyết việc ly hôn.

Về con chung: Chị H và anh K không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, nợ: Chị H và anh K xác định vợ chồng không có tài sản gì chung, không nợ ai, không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Qua xác minh với trưởng khu dân cư N, phường T xác nhận: Chị H và anh K có đăng ký kết hôn và về sinh sống với nhau từ năm 2013 nhưng không tổ chức lễ cưới. Ban đầu, anh chị có chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc. Thời gian gần đây, chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở C sinh sống, lý do tại sao thì địa phương không nắm được. Nay chị H xin ly hôn anh K, đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng anh chị và theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Chị H và anh K đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí

và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị H được ly hôn anh K. Về quan hệ con chung: Không đặt ra giải quyết. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1]. Về tố tụng:**

Chị Vũ Thị H khởi kiện xin ly hôn đối với anh Phạm Văn K có địa chỉ cư trú tại khu dân cư N, phường T, thành phố C, tỉnh H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Phạm Văn K là bị đơn không có yêu cầu phản tố, chị H và anh K đã được triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H, anh K.

#### **[2]. Về nội dung:**

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị H và anh Phạm Văn K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện, có đăng ký kết hôn theo luật định. Đây là hôn nhân hợp pháp. Anh chị sinh sống hòa thuận được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh K nghiện ma túy nên chị H bỏ về nhà ngoại sinh sống từ đầu năm 2019 đến nay. Anh K xác định việc mâu thuẫn vợ chồng là do không có con chung. Tình cảm vợ chồng không những không được cải thiện mà anh K còn đuổi đánh chị đi. Tòa án tiến hành hòa giải quan hệ hôn nhân của vợ chồng anh chị nhưng anh K không tham gia hòa giải. Bản thân anh K cũng không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, đồng ý ly hôn chị H. Vì thế, Hội đồng xét xử xác định anh chị đã không còn quan tâm, bỏ mặc nhau cả về tình cảm lẫn kinh tế. Xét quan hệ vợ chồng giữa hai anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H và anh K tự nguyện ly hôn nên chấp nhận cho chị Vũ Thị H ly hôn anh Phạm Văn K là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Chị H và anh K không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

[2.3]. Về quan hệ tài sản: Chị H và anh K không có tài sản chung, không nợ ai, không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

[2.4]. Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị H ly hôn anh Phạm Văn K.
- Về quan hệ con chung: Không đặt ra giải quyết.
- Về quan hệ tài sản, nợ: Không đặt ra giải quyết.
- Về án phí: Chị Vũ Thị H phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, đối trừ với số tiền 300.000đồng chị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/0006636 ngày 09/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh H.
- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND thành phố C;
- UBND phường T, thành phố C (để ghi vào sổ hộ tịch) ;
- Chi cục THADS thành phố C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Chu Thị Thu Hương**